

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Huê và ông Trần Đình Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 24/8/2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2001 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trình độ văn hóa: 9/12. dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị L; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến S, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1999 tại xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú : thôn H, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trình độ văn hóa: 9/12. dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Nghĩa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Duy C, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2001 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Trình độ văn hóa: 7/12. dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy L và bà Đoàn Thị X; tiền

án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Diệp Xuân Đ và bà Phan Thị Đ. Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Anh Tường Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Công L, sinh năm 1990. Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1979. Địa chỉ: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Chị Giả Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Anh Từ Đình K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 09 giờ ngày 02/6/2022, Nguyễn Duy C, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Ngọc N ngồi uống nước rồi rủ nhau đi Q để tắm suối. Cả 3 bàn bạc trên đường đi có xe mô tô của người dân sơ hở thì lấy trộm. Sau đó C điều khiển xe mô tô chở N và S ra địa phận xã Q. Khi đi qua một ngôi nhà đang xây tại xã Quảng Kim thì thấy 01 xe mô tô của ông Diệp Xuân Đ, xe có nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen, BKS 73N8-5670 để sẵn chìa khóa trên xe, không có người trông coi nên cả 3 bị cáo bàn bạc, thống nhất quay lại lấy trộm xe của ông Đ. Sau đó, cả 3 dừng xe cách vị trí xe của ông Đ khoảng 20m và bàn bạc, S phân công C đứng tại chỗ canh còn S và N lại gần vị trí xe dắt trộm xe đi một đoạn rồi ngồi lên xe mở khóa nổ máy chạy lên hướng xã Q còn C chạy theo sau. Đi đến đoạn đường Xuyên Á thì xe C bị hỏng nên C đưa xe vào quán sửa xe còn Sinh và N điều khiển chiếc xe máy vừa trộm được vào tại xưởng hàng xe máy của anh Lê Công L ở thị xã B để cầm cố. Khi anh L hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì Sinh nói xe này của S nhưng chưa đủ tuổi nên ba S đứng tên, giấy tờ xe để ở nhà. Sau đó anh L nói xe không có giấy tờ thì cầm được 4.000.000 đồng, nếu sau này đưa giấy tờ đến thì trả thêm 2.000.000 đồng nữa. Sau khi thỏa thuận giá xong thì anh L chuyển vào tài khoản của Sinh 4.000.000 đồng và S rút tiền ra rồi cùng C và N chi tiêu.

Quá trình điều tra S và N khai nhận ngoài vụ án trộm cắp tài sản vào ngày 02/6/2022, các bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 28/5/2022 tại xã Q, cụ thể: Vào khoảng 09 giờ ngày 28/5/2022, Nguyễn Tiến S điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Ngọc N vào thị xã B chơi. Khi đến thôn H, xã Q thì phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 73N9-5485 của anh Tường Văn T có cắm sẵn chìa khóa trên xe, đỗ bên lề đường. N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Sinh cùng thực hiện thì S đồng ý. Sau đó Sinh điều khiển xe chở N đến gần để N xuống xe thực hiện hành vi trộm cắp rồi tẩu thoát. Sau khi thực hiện hành vi trên N liên hệ với C để nhờ C cầm cố chiếc xe và không nói cho C biết chiếc xe là do trộm cắp mà có. Sau đó C đưa chiếc xe đến quán của chị Nguyễn Thị L tại thị xã B cầm cố được số tiền 2.000.000 đồng. Các bị cáo đã cùng nhau tiêu xài hết số tiền trên.

Ngày 06/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch đã có kết luận: 01 chiếc xe có nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn đen, BKS 73N8-5670 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.500.000 đồng;

Ngày 12/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch đã kết luận: 01 chiếc xe có nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn đỏ đen, BKS 73N9-5485 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 4.500.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại là ông Tường Văn T và bà Phan Thị Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị L là những người liên quan đến vụ án đã nhận cầm cố các tài sản do phạm tội mà có và cho các bị cáo mượn tiền, quá trình giải quyết vụ án các bị cáo và người liên quan đã thỏa thuận bồi thường đầy đủ, theo đó gia đình các bị cáo Nguyễn Duy C, Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S đã trả lại cho ông Lê Công L số tiền 4.000.000 đồng và trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 2.000.000 đồng là số tiền cầm cố xe máy. Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ và cam kết không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và xử lý:

- Thu giữ và trả lại cho bà Phan Thị Đ (là vợ của ông Diệp Xuân Đ): 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn xanh-đen-bạc BKS 73 N8-5670 đã qua sử dụng
- Thu giữ và trả lại cho ông Tường Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn xanh-đen-bạc BKS 73 N9-5485 đã qua sử dụng
- Thu giữ và trả lại cho ông Nguyễn Duy L là chủ sở hữu hợp pháp của 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn đen – bạc, BKS 73 V2-1537 đã qua sử dụng, đây là chiếc xe mà C đã sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tuy N việc C sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp ông Lập không biết.

- Thu giữ 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn vàng – đỏ - xám, BKS 47FA-7465 đã qua sử dụng là xe do Nguyễn Tiến S sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nguồn gốc của chiếc xe nên đã chuyển cho Công an huyện Quảng Trạch tiếp tục xác minh nguồn gốc và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSQT ngày 16 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Tiến Sinh và Nguyễn Duy C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S mỗi bị cáo từ 15-18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C từ 09-12 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét. Về xử lý vật chứng: đối với 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn vàng- đỏ - xám, BKS 47FA-7465 đã qua sử dụng là xe do Nguyễn Tiến S sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nguồn gốc của chiếc xe nên đã chuyển cho Công an huyện Quảng Trạch tiếp tục xác minh nguồn gốc và xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Duy C đã khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe máy BKS 73N8-5670 có giá trị 6.500.000 đồng vào ngày 02/6/2022. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S còn có hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc xe máy BKS 73N9-5485 có giá trị 4.500.000 đồng vào ngày 28/5/2022.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những thanh niên đã trưởng thành, lẽ ra phải chịu khó tu dưỡng, rèn luyện, làm ăn lương thiện để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình nhưng do lười lao động, coi thường pháp luật nên đã trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với ba bị cáo nhằm có tác dụng giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật cho các bị cáo.

Vụ án có ba bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy N tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò, vị trí cụ thể trước khi phạm tội mà việc phạm tội nảy sinh và được thực hiện khi bị cáo N là người đề xướng, rủ rê thì bị cáo Sinh và bị cáo C cùng đồng thuận thống nhất ý chí thực hiện.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 02/6/2022 và 28/5/2022 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhận thức được việc làm sai trái của mình; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả sau khi phạm tội, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự,. Đối với bị cáo Nguyễn Duy C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy C; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Tiến S và Nguyễn Ngọc N để quyết định cho các bị cáo một mức án phù hợp.

Liên quan trong vụ án còn có anh Lê Công L và chị Nguyễn Thị L là những người đã nhận cầm cố các tài sản do các bị cáo trộm cắp được. Tuy N quá trình điều tra làm rõ, quá trình trao đổi mua bán anh L và chị L không biết về nguồn gốc của tài sản là do trộm cắp mà có. Vì vậy hành vi của anh L và chị L không đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: các bị cáo Nguyễn Duy C, Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S đã trả lại cho anh Lê Công L số tiền 4.000.000 đồng và trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 2.000.000 đồng là số tiền cầm cố xe máy. Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ. Trong quá trình điều tra cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm không ai có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn xanh BKS 73 N8-5670 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, BKS 73 N9-5485; 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn đen – bạc, BKS 73 V2-1537 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã xác minh và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Đối với 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn vàng- đỏ - xám, BKS 47FA-7465 đã qua sử dụng là xe do Nguyễn Tiến S sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nguồn gốc của chiếc xe nên đã chuyển cho Công an huyện Quảng Trạch tiếp tục xác minh nguồn gốc và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Duy C, Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Tiến S phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy C, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Tiến S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc N** và bị cáo **Nguyễn Tiến S** mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04/6/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy C** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 03/6/2022.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu sơn vàng- đỏ - xám, BKS 47FA-7465 đã qua sử dụng là xe do Nguyễn Tiến S sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển cho Công an huyện Quảng Trạch trước giai đoạn truy tố để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Duy C, Nguyễn Tiến S, Nguyễn Ngọc N mỗi phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/9/2022) đối với người có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Các bị cáo; người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

